

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HSST

Ngày: 26 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Quang Tuấn

1. Ông Lưu Đình Tâm

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/HSST, ngày 01 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HS, ngày 13/8/2024 đối với các bị cáo:

1. Quách Văn T; sinh ngày: 07/4/2001; tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 07/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quách Văn Q; con bà: Bùi Thị L; tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 24/6/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 15/12/2023; bị tạm giữ từ ngày 23/5/2024 đến ngày 29/5/2024, sau đó bị tạm giam từ ngày 29/5/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Minh T1; sinh ngày: 20/11/1993; tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông: Phạm Minh C; con bà: Bùi Thị B; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 23/5/2024 đến ngày 29/5/2024, sau đó bị tạm giam từ ngày 29/5/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn P; sinh ngày: 19/02/1997; tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn P1; con bà: Trương Thị P2; Có vợ là Bùi Thị T2 và 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 23/5/2024 đến ngày 29/5/2024, sau đó bị tạm giam từ ngày 29/5/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ ngày 23/5/2024, tổ công tác Công an thị trấn V tiến hành tuần tra, kiểm soát qua đoạn đường Q thuộc khu phố P, thị trấn V phát hiện có 02 đối tượng đang dừng xe bên đường có biểu hiện nghi vấn về ma túy nên yêu cầu kiểm tra. Tiến hành kiểm tra, phát hiện trong lòng bàn tay phải của đối tượng Quách Văn T (SN 2001, trú tại thôn T, xã T, T, Thanh Hóa) có 01 gói giấy màu trắng có chữ viết màu xanh (dạng giấy kẻ ô ly), kích thước khoảng (01×02)cm, có chứa chất bột màu trắng. Khai thác nhanh tại chỗ, T khai nhận cùng với Phạm Minh T1 (SN 1993, trú thôn T, xã T, huyện T) đi mua ma túy trong đó có Bùi Văn P (SN 1997, trú tại thôn T, xã T) góp 200.000 đồng để mua về sử dụng cùng, gói giấy thu giữ là ma túy mà T và T1 vừa mua được tại huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Quách Văn T, Phạm Minh T1 về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy đồng thời thu giữ số ma túy, xe mô tô phục vụ công tác điều tra. Ngay sau đó Công an thị trấn V đã chuyển hồ sơ cùng người bị bắt, tang vật thu giữ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Văn P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú, khai nhận bản thân đã góp số tiền 200.000 đồng để T và T1 đi mua ma túy mục đích về cùng sử dụng chung.

Tại bản kết luận giám định số: 2051/KL-KTHS ngày 28/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,640g (không phẩy sáu bốn không gam) loại Heroine.

Về nguồn gốc số ma túy, Quách Văn T, Phạm Minh T1 khai báo: Vào khoảng 10 giờ ngày 23/5/2024, T và T1 thống nhất với nhau tìm mua ma túy để sử dụng. T1 chở T

trên xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh đen, BKS 36E1-45511 (xe mượn của bà Bùi Thị B - mẹ đẻ của Phạm Minh T1) đến gặp Bùi Văn P để lấy thêm tiền mua ma túy. Quá trình T1 bảo Phòng góp tiền để mua ma túy thì P đồng ý đồng thời đưa cho T1 số tiền 200.000 đồng cùng với số tiền 300.000 đồng của T1 để T1 và T đi mua ma túy. T1 chở T đi sang huyện N, tỉnh Ninh Bình. Trên đường đi, T1 đổ xăng hết 30.000 đồng. Còn 470.000 đồng, T1 đưa cho T cầm để mua ma túy. Khi đến khu vực bờ đê “Năm Căn” thuộc thôn S, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình, T1 đứng chờ ở xe còn T gặp và mua được 01 ma túy của người đàn ông lạ mặt (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 470.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T1 và T quay về xã T, huyện T, trên đường về T lấy gói ma túy ra để cả hai sử dụng một ít. Số ma túy còn lại, T gói lại và cất giấu vào lòng bàn tay phải. Khi đi đến đoạn đường thuộc khu phố P, thị trấn V, T thì bị phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên.

Về người đàn ông đã bán ma túy cho T, do T khai báo không biết danh tính, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo Quách Văn T, Phạm Minh T1, Bùi Văn P đều không có tài sản, thu nhập không ổn định và không đáng kể.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 gói ma túy (kết quả giám định là Heroine). Sau giám định, Cơ quan giám định đã hoàn lại mẫu vật gồm toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 0,552 gam chất bột màu trắng. Tất cả được đựng trong 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Lê Minh T3, Lưu Bình N, Phạm Thanh H và các hình dấu của Phòng K Công an tỉnh T;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu xanh, biển kiểm soát 36E1-455.11.

Quá trình điều tra, xác định: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36E1-455.11 là tài sản của bà Bùi Thị B (SN 1961, trú tại thôn T, xã T, huyện T-là mẹ đẻ của bị cáo Phạm Minh T1). Tuy nhiên, khi cho T1 mượn chiếc xe trên, bà B không biết T1 sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cho bà Bùi Thị B là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản.

Vật chứng còn lại đã được chuyển đến bảo quản chờ xử lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSTT, ngày 31/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Quách Văn T, Phạm

Minh T1, Bùi Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Quách Văn T từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 23/5/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh T1 từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 23/5/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn P từ 18 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 23/5/2024.

Kết quả xác minh về tài sản thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản và thu nhập không ổn định nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS), tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Phản tranh tụng tại phiên toà: Các bị cáo thành khẩn nhận tội, không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên; Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Do bản thân là người nghiện ma túy nên vào ngày 23/5/2024, Phạm Minh T1 và Bùi Văn P đã góp tiền, sau đó Phạm Minh T1 đã đưa tiền cho Quách Văn T và đi cùng Quách Văn T mua ma túy về sử dụng. Sau khi mua được ma túy đi về đến khu phố P, thị trấn V thì bị Công an huyện T phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số: 2051/KL-KTHS ngày 28/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng (thu giữ của Quách Văn T) của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,640g (không phải sáu bốn không gam) loại Heroine. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Quách Văn T, Phạm Minh T1, Bùi Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3]. Về vai trò của các bị cáo và tính chất vụ án: Đây là vụ án hình sự Tàng trữ trái phép chất ma túy có tính chất nghiêm trọng do các bị cáo thực hiện. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo Phạm Minh T1, Quách Văn T và Bùi Văn P cùng thực hiện. Trong đó, bị cáo Phạm Minh T1 là người khởi xướng việc mua ma túy, góp tiền và cùng đi với T để mua ma túy. Quách Văn T là người thực hành tích cực trực tiếp giao dịch mua bán ma túy, cầm giữ số ma túy mua được nên T1, T có vai trò ngang nhau và có vai trò thứ nhất trong vụ án. Đối với Bùi Văn P mặc dù không trực tiếp đi mua ma túy nhưng Phòng đã góp tiền để T, T1 mua ma túy về cùng sử dụng nên Phòng phải chịu trách nhiệm hình sự chung với tổng ma túy mua được và có vai trò thứ hai trong vụ án. Tính chất vụ án là nghiêm trọng do các bị cáo thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây tác hại xấu đến đời sống kinh tế - xã hội, huỷ hoại trực tiếp sức khoẻ chính bản thân bị cáo và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự và cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo Bùi Văn P có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo có ông ngoại là thương binh hạng $\frac{3}{4}$ đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Về nguồn gốc số ma túy: Quách Văn T khai báo không biết danh tính, địa chỉ của người bán ma túy nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án.

[6]. Về hình phạt tiền bổ sung: Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản và thu nhập không ổn định, không đáng kể nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[7]. Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu xanh, biển kiểm soát 36E1- 455.11. Quá trình điều tra, xác định: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36E1-455.11 là tài sản của bà Bùi Thị B (SN 1961, trú tại thôn T, xã T, huyện T-là mẹ đẻ của bị can Phạm Minh T4). Tuy nhiên, khi cho T4 mượn chiếc xe trên, bà B không biết T4 sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cho bà Bùi Thị B là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là đúng quy định.

Đối với vật chứng là toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định đây là vật Nhà nước cầm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Quách Văn T, Phạm Minh T4 và Bùi Văn P phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Quách Văn T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 23/5/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh T4 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 23/5/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn P 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 23/5/2024.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 0,552 gam chất bột màu trắng. Tất cả được đựng trong 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Lê Minh T3, Lưu Bình N, Phạm Thanh H và các hình dấu của Phòng K Công an tỉnh T;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/8/2024 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T và chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Các bị cáo Quách Văn T, Phạm Minh T4, Bùi Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Đội THAHS công an Thạch Thành;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thị Tình Đào Quang Tuấn

Bùi Văn Hải

